

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống chính trị;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định kỹ thuật và Định mức kinh tế - kỹ thuật về công tác thu nhận, lưu trữ, bảo quản và cung cấp thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2026.

2. Các Quyết định sau hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 01/2020/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Quyết định số 08/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 03 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy chế thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ NNMT;
- Cục KTVB&TCTHPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (báo cáo);
- CT và các PCT UBND Tỉnh;
- Các Sở: NNMT; TC;
- Sở Tư pháp;
- Ban KT-NS HĐND tỉnh;
- VPUB: CVP và các PCVP;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Lưu: VT, P. KT(NTB).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Phước Thiện

QUY CHẾ

**Thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin,
dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 92/2026/QĐ-UBND ngày 11/8/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu về nông nghiệp; lâm nghiệp; diêm nghiệp; thủy sản; thủy lợi; phòng, chống thiên tai; giảm nghèo; phát triển nông thôn; đất đai, tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản, địa chất; môi trường; khí tượng thủy văn; biến đổi khí hậu; đo đạc và bản đồ; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; viễn thám (sau đây gọi là thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường). Cơ chế phối hợp, kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Quy chế này không điều chỉnh đối với thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước ngành nông nghiệp và môi trường. Việc chia sẻ thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi bí mật nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Các nội dung không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân khác (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan trong việc thu thập, quản lý, khai thác, chia sẻ và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường bao gồm các thông tin, dữ liệu được quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT của Bộ Trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

Điều 4. Nguyên tắc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.

Điều 5. Kinh phí thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Kinh phí thu thập, xử lý, tổ chức quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, xây dựng, cập nhật, vận hành cơ sở dữ liệu về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh do ngân sách Nhà nước đảm bảo theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương II

THU THẬP THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 6. Lập, phê duyệt, phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Nguyên tắc lập kế hoạch thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2. Căn cứ lập kế hoạch và các nội dung cơ bản của kế hoạch thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 10 của Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao xác định thông tin, dữ liệu cần thu thập, cập nhật, đề xuất các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, lập kế hoạch dự kiến.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và các hoạt động, nhiệm vụ thu thập, cập nhật dữ liệu của đơn vị để dự thảo kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 27 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 7. Thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường; thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường hàng năm.

2. Quy trình thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Quy trình tiếp nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Các cơ quan đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

5. Việc thu thập thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc danh mục tài liệu bí mật nhà nước phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 8. Hình thức và thời gian thu nhận thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Hình thức thu nhận thông tin, dữ liệu lưu trữ nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 11 của Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thông tin dữ liệu nông nghiệp và môi trường được thu nhận, tạo lập bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm giao nộp cho các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

b) Thông tin, dữ liệu giao nộp phải là các bản chính, bản gốc; trong trường hợp không còn bản chính, bản gốc thì được thay thế bằng bản sao hợp pháp.

c) Thời gian thực hiện giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường:

Cơ quan, tổ chức, cá nhân quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thực hiện nhiệm vụ, dự án về nông nghiệp và môi trường trong thời hạn không quá 30 ngày kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền nghiệm thu, hoàn thành nhiệm vụ, dự án có trách nhiệm giao nộp cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) 01 (một) bộ dạng điện tử và 01 (một) bộ gốc in trên giấy để lưu trữ và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, dữ liệu do mình giao nộp.

d) Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường khi giao nhận phải được lập thành biên bản và lưu vào hồ sơ theo quy định. Biên bản giao nộp thông tin, dữ liệu là một trong những cơ sở để xác định hoàn thành công trình, dự án hoặc nhiệm vụ được giao.

3. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đang lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm cung cấp thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để xây dựng, cập nhật danh mục

thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh phục vụ công bố, tra cứu, cung cấp, khai thác sử dụng.

Điều 9. Kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường sau khi thu thập phải được phân loại, tổng hợp, đánh giá, xử lý. Việc kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu phải tuân theo các quy định, quy phạm, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành, phê duyệt.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý thông tin, dữ liệu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp tỉnh.

3. Các Sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý dữ liệu nông nghiệp và môi trường của mình quản lý.

4. UBND các xã, phường có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý và chịu trách nhiệm về tính chính xác của dữ liệu nông nghiệp và môi trường cấp xã, phường.

Chương III

**TỔ CHỨC, QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU
NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

Điều 10. Bảo quản, lưu trữ và tu bổ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thu thập được phải kịp thời phân loại, đánh giá, xử lý để có hình thức, biện pháp bảo quản, lưu trữ, bảo đảm an toàn và kéo dài tuổi thọ cho thông tin, dữ liệu nhằm đáp ứng các yêu cầu khai thác và sử dụng.

2. Công tác lưu trữ và bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo đúng quy định tại Luật Lưu trữ, các quy định, quy trình kỹ thuật được quy định tại Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Trung tâm Công nghệ thông tin thực hiện lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của cấp tỉnh.

4. Các phòng, đơn vị thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường quản lý được giao nhiệm vụ xây dựng, vận hành, sử dụng thông tin, dữ liệu các cơ sở dữ liệu thành phần tại Điều 3 Quy chế này có trách nhiệm cung cấp thông tin, dữ liệu cho Trung tâm Công nghệ thông tin trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường cập nhật vào Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm tổ chức quản lý, lưu trữ, bảo quản thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phát sinh trên địa bàn; chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc thực hiện việc thu thập, cập nhật, quản lý, lưu trữ và cung cấp thông tin, dữ liệu theo quy định; bảo đảm tính đầy đủ,

chính xác, kịp thời, an toàn và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước, khai thác, sử dụng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

Điều 11. Xây dựng cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh là tập hợp toàn bộ các thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường đã được kiểm tra, đánh giá, và tổ chức quản lý, lưu trữ một cách có hệ thống được xây dựng, cập nhật và duy trì phục vụ quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và nâng cao dân trí do Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng, lưu trữ, quản lý.

2. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường tỉnh được xây dựng phải đáp ứng khung cơ sở dữ liệu, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ thông tin và chuyên ngành.

3. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường được xây dựng và kết nối, chia sẻ trên môi trường điện tử phục vụ quản lý, khai thác, cung cấp, sử dụng thông tin, dữ liệu thuận tiện, hiệu quả.

4. Việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành.

Điều 12. Vận hành, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Xây dựng các quy trình nghiệp vụ, kiểm soát để vận hành, duy trì cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

2. Xây dựng kế hoạch, bố trí kinh phí bảo đảm thường xuyên, liên tục, định kỳ cập nhật nội dung cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

3. Xây dựng và thực hiện các giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ sở dữ liệu có hiệu suất vận hành và sẵn sàng đáp ứng cao.

4. Xây dựng và thực hiện các giải pháp về sao lưu, dự phòng bảo đảm tính nguyên vẹn, an toàn của cơ sở dữ liệu. Trong trường hợp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường hư hỏng, bị phá hủy do các hành vi trái phép phải có cơ chế bảo đảm phục hồi được thông tin, dữ liệu. Cụ thể:

a) Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được định kỳ 03 tháng 01 lần sao lưu theo quy định;

b) Thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được lưu trữ bản dự phòng ít nhất 06 tháng. Bản dự phòng có thể khôi phục được trong trường hợp có sự cố hỏng hóc thiết bị một cách khách quan;

c) Thông tin, dữ liệu lưu giữ trong cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được sao chép vào đĩa cứng, đĩa quang (CD, DVD), băng từ theo định kỳ và lưu trữ theo quy trình, quy phạm kỹ thuật, bảo mật và an toàn theo quy định hiện hành của pháp luật;

d) Định kỳ 03 tháng 01 lần phải kiểm tra và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin điện tử.

Điều 13. Bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn và bảo mật thông tin, có các biện pháp tổ chức, quản lý vận hành, nghiệp vụ và kỹ thuật nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật dữ liệu, an toàn máy tính và an ninh mạng.

2. Cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phải được phân loại theo cấp độ an toàn hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chuyên môn trực thuộc thực hiện công tác bảo đảm an toàn thông tin, an toàn cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường thuộc phạm vi quản lý; tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá rủi ro và triển khai các biện pháp phù hợp nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường

Việc quản lý tài liệu lưu trữ điện tử về nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Điều 15. Thời hạn lưu giữ, bảo quản dữ liệu

1. Thời hạn lưu giữ, bảo quản thông tin, dữ liệu được xác lập đối với từng loại thông tin, dữ liệu theo quy định tại Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các quy định khác của pháp luật hiện hành về lưu trữ.

2. Cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu có trách nhiệm thống kê các loại thông tin, dữ liệu hết giá trị sử dụng trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết tiêu hủy thông tin, dữ liệu. Việc tiêu hủy thông tin, dữ liệu hết giá trị được thực hiện theo quy định của Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 và các quy định chuyên ngành.

Chương IV

KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 16. Công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường được công bố trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh Đồng Tháp, Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Việc công bố danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong lĩnh vực nhằm phục vụ cho cộng đồng và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và môi trường và theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin.

2. Trung tâm Công nghệ thông tin có trách nhiệm tham mưu cho Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 17. Khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Hình thức, thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường thực hiện theo quy định tại Điều 16 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu qua trang thông tin hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan cung cấp thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 17 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Văn bản, phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, dữ liệu thực hiện theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu bằng hình thức hợp đồng thực hiện theo quy định tại Điều 19 của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 18. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

Tổ chức, cá nhân khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường có trách nhiệm và quyền hạn sau đây:

1. Tuân thủ các nguyên tắc khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu quy định tại Điều 4 và Điều 6 Quy chế này.

2. Không được chuyển thông tin, dữ liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận trong hợp đồng với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

3. Không được làm sai lệch thông tin, dữ liệu đã được cung cấp để sử dụng.

4. Trả kinh phí khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu theo quy định pháp luật hiện hành.

5. Tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

6. Thông báo kịp thời cho cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu về những sai sót của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

7. Được khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật khi bị vi phạm quyền khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu của mình.

8. Được bồi thường theo quy định của pháp luật khi bên cung cấp thông tin, dữ liệu cung cấp thông tin, dữ liệu không chính xác gây thiệt hại cho mình.

Chương V

KẾT NỐI, CHIA SẺ THÔNG TIN, DỮ LIỆU

NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ

Điều 19. Nguyên tắc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường

Kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường; giữa các cơ quan quản lý thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan trên nguyên tắc:

1. Kết nối, chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

2. Bảo đảm việc tiếp cận thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường phục vụ kịp thời cho việc đánh giá, dự báo, hoạch định chiến lược, chính sách, xây dựng kế hoạch, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Bảo đảm việc trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu, cơ sở dữ liệu được thông suốt, kịp thời, đáp ứng các yêu cầu về an toàn, an ninh thông tin.

Điều 20. Kết nối, tích hợp thông tin, số liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử

1. Thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường bao gồm thông tin, dữ liệu thời gian thực và thông tin, dữ liệu có độ trễ về thời gian (phải qua các bước phân tích, xử lý). Thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường có ý nghĩa rất quan trọng đối với ứng phó, xử lý kịp thời trong công tác quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai, thảm họa.

2. Thông tin, dữ liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường, đặc biệt là thông tin dữ liệu thời gian thực từ nguồn ngân sách nhà nước hoặc bắt buộc quan trắc quy định của pháp luật phải được thu nhận, tích hợp và chia sẻ, cung cấp kịp thời cho các cơ quan, tổ chức có chức năng, phục vụ dân sinh, phát triển kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường thu thập, quản lý, cung cấp thông tin, số liệu quan trắc nông nghiệp và môi trường theo thẩm quyền quản lý; cung cấp, tích hợp thông tin, dữ liệu quan trắc tài nông nghiệp và môi trường về cơ sở dữ liệu quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý; sử dụng thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về quan trắc nông nghiệp và môi trường theo quy định của pháp luật.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện việc kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên môi trường điện tử do tỉnh quản lý với các bộ, ngành và địa phương khác theo quy định.

Chương VI

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ THÔNG TIN, DỮ LIỆU NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Điều 21. Trách nhiệm quản lý nhà nước về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

Là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý việc thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng nguồn thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm:

a) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo Trung tâm Công nghệ thông tin (thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường) thực hiện:

Phối hợp với các đơn vị có liên quan để tổ chức thực hiện thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, quản lý, lưu trữ, công bố, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

Tổ chức, quản lý thông tin, dữ liệu trên môi trường điện tử; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu phục vụ lưu trữ, trao đổi, chia sẻ thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường giữa các cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

Ứng dụng công nghệ thông tin, tổ chức tích hợp thông tin, dữ liệu và các ứng dụng nhằm phục vụ các cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác hiệu quả, gia tăng giá trị của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

Lưu trữ, bảo quản, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

c) Lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường của tỉnh và công bố trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và Trang thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

d) Định kỳ hàng năm gửi báo cáo về công tác thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

e) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra, xem xét, xử lý các đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về thu thập, quản lý, khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Tài chính

Hàng năm, trên cơ sở dự toán kinh phí của Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính thẩm định, trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ

Hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, dữ liệu bảo đảm thông suốt trong phạm vi quản lý của ngành khoa học và công nghệ.

4. Các Sở, ban, ngành tỉnh

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, các sở, ban, ngành có thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường, thực hiện lập danh mục thông tin, dữ liệu

nông nghiệp và môi trường do cơ quan đang quản lý, gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để Sở Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, lập kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh hằng năm; giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

c) Báo cáo công tác thu thập, cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh (*theo Mẫu BM.30 Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật có liên quan*) gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường (qua Trung tâm Công nghệ thông tin) trước ngày 30 tháng 11 hằng năm.

5. Ủy ban nhân dân các xã, phường

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trong việc lập và tổ chức thực hiện kế hoạch điều tra, thu thập, cập nhật thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường và thu thập, cập nhật thông tin mô tả về thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh hằng năm.

Điều 22. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Tổ chức, các nhân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực nông nghiệp và môi trường có sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân ngân sách nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp khác (thuộc diện phải nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường theo quy định của Nhà nước) trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm giao nộp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường quy định tại khoản 2 Điều 8 Quy chế này.

2. Gửi thông báo tới Sở Nông nghiệp và Môi trường về danh mục thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường do mình sở hữu và có nhu cầu cung cấp theo Mẫu số 01 của Nghị định 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật về thu thập, tạo lập và cung cấp thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu khai thác, sử dụng.

4. Bảo đảm tính trung thực, chính xác của thông tin, dữ liệu nông nghiệp và môi trường.

5. Không được chuyển thông tin, dữ liệu, tài liệu cho bên thứ ba sử dụng trừ trường hợp được thỏa thuận bằng văn bản với cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin, dữ liệu.

6. Thông báo kịp thời về những sai sót (nếu có) của thông tin, dữ liệu cho cơ quan quản lý.

7. Thực hiện công tác báo cáo theo quy định tại khoản 4 Điều 28 Nghị định 73/2017/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với nhiệm vụ, dự án, đề án, đề tài, chương trình đã hoàn thành nhưng chưa được kiểm tra, nghiệm thu hoặc đang triển khai thực hiện bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước hoặc có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc tạo ra trong quá trình hoạt động thì tổ chức, cá nhân thực hiện phải xem xét điều kiện, điều chỉnh nội dung để tổ chức thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định số 73/2017/NĐ-CP, Thông tư số 03/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Thông tư 02/2025/TT- BNNMT của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quy chế này.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này.

2. Giám đốc các Sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp./.